

Số: *44* /2021/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với toàn bộ dự án đầu tư công nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2021 và thay thế Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *ST*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC, XD, TP (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các Phó CVP;
- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm soát nhân dân tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: HCTC, KTTH, CN.XDCB, NNTN, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng

QUY ĐỊNH

Về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11 /2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định về quản lý đầu tư chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;
- Phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội;
- Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

b) Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đấu thầu và quản lý hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng cho chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; chủ chương trình, chủ đầu tư, bên mời thầu, các tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quy định về viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư là Hội đồng do Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện thành lập để thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công gọi chung là Hội đồng thẩm định và viết tắt là HĐTĐ.

2. Hội đồng nhân dân viết tắt là HĐND; Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố viết tắt là UBND cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn viết tắt là UBND cấp xã.

3. Ủy ban mặt trận tổ quốc viết tắt là UBMTTQ.

4. Giám sát và đánh giá đầu tư viết tắt là GS&ĐGĐT; giám sát đầu tư của cộng đồng viết tắt là GSĐTCCĐ; Giám sát và đánh giá tổng thể đầu tư viết tắt là GS&ĐGTTĐT.

5. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

6. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

7. Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính viết tắt Liên Sở KHĐT-TC là Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Tài chính; Liên Sở Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư viết tắt Liên Sở TC-KHĐT là Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư.

8. Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố viết tắt là Phòng TC - KH cấp huyện.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý đối với chương trình, dự án đầu tư công

1. Tuân thủ các nguyên tắc quản lý đầu tư công theo quy định tại Điều 12 Luật Đầu tư công.

2. Thực hiện phân cấp quản lý và đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2021 - 2025.

3. Việc đề xuất, lập, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm phải tuân thủ nguyên tắc đầu tư theo hướng tập trung, có trọng điểm, đảm bảo cơ cấu ngành, theo thứ tự ưu tiên.

4. Đối với các chương trình, dự án đầu tư công có quy định của pháp luật chuyên ngành về phân cấp quản lý thì thực hiện theo quy định đó.

5. Kết quả phân bổ vốn đầu tư, tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải được thực hiện công khai minh bạch theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp đối với các chương trình, dự án phức tạp, có quan điểm khác nhau, trong trường hợp cần thiết cơ quan chủ trì thẩm định đề xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh việc mời hoặc thuê các đơn vị tư vấn, chuyên gia độc lập đánh giá sự cần thiết, hiệu quả, tác động kinh tế xã hội của chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ HÀNG NĂM

Điều 4. Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Đầu tư công và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên Sở KHĐT-TC dự kiến tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp tỉnh, trong đó:

+ Sở Tài chính chủ trì dự kiến: Các nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách cấp tỉnh; nguồn vốn vay huy động hợp pháp cho đầu tư công cấp tỉnh, nguồn vốn khác có thể bổ sung cho chi đầu tư công cấp tỉnh; nguồn ngân sách địa phương cấp huyện quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì dự kiến: Nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Liên Sở KHĐT-TC lập, hoàn thiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

2. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp huyện

- Căn cứ hướng dẫn của UBND tỉnh và thông báo về tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn dự kiến của ngân sách cấp huyện, Phòng TC-KH cấp huyện dự kiến tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp huyện, gồm:

+ Dự kiến tổng mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và nguồn ngân sách địa phương cấp huyện quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Các nguồn vốn khác có thể bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp huyện;

+ Nguồn ngân sách huyện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã;

+ Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cấp xã.

- Phòng TC-KH cấp huyện lập, hoàn thiện, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, trình HĐND cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp huyện,

bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp huyện và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

3. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã

- Căn cứ thông báo của UBND cấp huyện về tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn dự kiến của ngân sách cấp xã, UBND cấp xã xác định các nguồn vốn khác có thể bổ sung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp xã, xin ý kiến HĐND cùng cấp về dự kiến tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp xã.

- UBND cấp xã lập, hoàn thiện, trình HĐND cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp xã, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp xã.

Điều 5. Kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương

1. Kế hoạch đầu tư công hằng năm

a) Nguồn ngân sách cấp tỉnh

- Căn cứ quy định và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; Liên Sở KHĐT-TC dự kiến số vốn trong kế hoạch đầu tư công năm sau (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thực hiện theo Khoản 1, Điều 4 Quy định này);

- Liên Sở KHĐT-TC lập, hoàn thiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công năm sau, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

b) Nguồn ngân sách cấp huyện

Phòng TC-KH cấp huyện lập, hoàn thiện, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, trình HĐND cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm:

- Danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện;

- Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, nguồn ngân sách địa phương cấp huyện, các nguồn vốn khác có thể bổ sung trong năm;

- Số vốn bổ sung có mục tiêu cho cấp xã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn.

c) Nguồn ngân sách cấp xã

UBND cấp xã lập, hoàn thiện, trình HĐND cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau bao gồm: Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã, khả năng cân đối nguồn vốn kế hoạch cấp xã.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung trong năm:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn vốn bổ sung, danh mục và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án;
- Liên Sở TC-KHĐT báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn.

Điều 6. Thẩm định kế hoạch đầu tư hằng năm sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 7. Quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương hằng năm

1. Tháng 10 hằng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các chủ đầu tư dự án cấp tỉnh quản lý và UBND cấp huyện: Rà soát, tổng hợp danh mục dự án đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

2. Liên Sở KHĐT-TC rà soát, tổng hợp các dự án chưa giải ngân hết kế hoạch đầu tư công năm trước theo từng nguồn vốn; dự kiến danh mục dự án và mức vốn tối đa đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định trong kỳ họp cuối năm của năm kế hoạch.

3. Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh và tình hình thực tế giải ngân của các dự án đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch:

- Liên Sở KHĐT-TC rà soát danh mục dự án và số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trình UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với vốn ngân sách cấp tỉnh;

- Phòng TC-KH cấp huyện rà soát danh mục dự án và số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định đối với vốn ngân sách cấp huyện và cấp xã.

4. Đối với dự án không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn, đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch vẫn còn vốn chưa giải ngân hết sẽ bị hủy dự toán theo quy định.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Mục 1

PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 8. Phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội

1. Cấp tỉnh quản lý và đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do ngân sách tỉnh đảm bảo đầu tư.
2. Cấp huyện quản lý và đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do ngân sách huyện đảm bảo đầu tư.
3. Cấp xã quản lý và đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do ngân sách xã đảm bảo đầu tư.

(Chi tiết theo Phụ lục phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh kèm theo quy định này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công (nguồn vốn ngân sách nhà nước)

1. HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án:
 - a) Dự án nhóm A do địa phương quản lý (không phân biệt cấp quản lý và đầu tư), trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17, Luật Đầu tư công;
 - b) Chương trình, dự án nhóm B do cấp tỉnh quản lý và đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này; trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17, Luật Đầu tư công;
 - c) Dự án lớn, đặc biệt quan trọng (dự án nhóm B) có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội thuộc cấp huyện quản lý và đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này được ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu.
2. UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do cấp tỉnh quản lý và đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này (theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 04/6/2020 của HĐND tỉnh).

3. HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án:

a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện quản lý và đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này.

Trong trường hợp cần thiết, HĐND cấp huyện quyết định việc giao cho UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do cấp huyện quản lý và đầu tư phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.

b) Dự án lớn, đặc biệt quan trọng (dự án nhóm B) có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội thuộc cấp xã quản lý và đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này được ngân sách huyện hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu.

4. HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp xã quản lý và đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này.

5. Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

2. Trong thời gian 10 ngày kể từ thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án, đơn vị sự nghiệp công lập gửi quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án cho UBND cấp quản lý và cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý để theo dõi, giám sát.

3. Trường hợp chương trình, dự án quy định tại Điều này có sử dụng một phần nguồn vốn của ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình, dự án nhóm A, nhóm B do HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án nhóm C do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

c) Chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý;

d) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư;

b) Chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý.

3. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư;

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

Quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C do đơn vị mình quản lý.

Mục 2

THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 12. Trách nhiệm của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

1. UBND tỉnh:

a) Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Chủ tịch HĐTĐ cấp tỉnh: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án nhóm A, nhóm B do HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên) do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

b) Trình HĐND tỉnh cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công;

c) Trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A, nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan Thường trực HĐTĐ cấp tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch Thường trực HĐTĐ cấp tỉnh thẩm định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3. Sở Tài chính:

a) Tham gia HĐTĐ cấp tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính là Phó Chủ tịch HĐTĐ cấp tỉnh thẩm định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

4. Các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh:

a) Các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường:

- Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường là thành viên HĐTD cấp tỉnh thẩm định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

b) Các Sở, ngành khác:

- Giám đốc Sở, ngành liên quan đến chương trình, dự án (lĩnh vực Sở, ngành quản lý): Là thành viên HĐTD cấp tỉnh thẩm định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) thuộc lĩnh vực Sở, ngành quản lý do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn cấp huyện

1. UBND cấp huyện:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện là thành viên HĐTD cấp tỉnh thẩm định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1, Điều 12, Quy định này (đối với các dự án đầu tư trên địa bàn huyện);

b) Tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) trên địa bàn huyện do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

c) Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện quản lý và đầu tư theo quy định tại Điều 27 Luật Đầu tư công;

d) Trình HĐND cấp huyện cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của: Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công và HĐND tỉnh;

e) Trình HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp huyện.

2. Phòng TC - KH cấp huyện:

a) Là cơ quan Thường trực HĐTD cấp huyện thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư.

3. Các cơ quan chuyên môn cấp huyện: Người đứng đầu cơ quan chuyên môn cấp huyện liên quan đến chương trình, dự án (lĩnh vực cơ quan chuyên môn quản lý) là thành viên HĐTĐ cấp huyện thẩm định chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. UBND cấp xã:

a) Chủ tịch UBND cấp xã là thành viên HĐTĐ cấp huyện thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư (đối với các dự án được đầu tư trên địa bàn xã);

b) Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp xã quản lý và đầu tư theo quy định tại Điều 27 Luật Đầu tư công;

2. Trình HĐND cấp xã cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của: Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công và HĐND cấp huyện;

4. Trình HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp xã.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo ý kiến thẩm định của các cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư.

4. Thực hiện quy định tại Điều 88 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 16. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công

1. Đối với chương trình do cấp tỉnh quản lý đầu tư:

a) Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình;

b) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư lập báo cáo, gửi HĐTĐ cấp tỉnh;

c) HĐTD cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

d) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND tỉnh;

đ) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

2. Đối với chương trình do cấp huyện quản lý đầu tư:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp xã lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình;

b) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư lập báo cáo, gửi HĐTD cấp huyện;

c) HĐTD cấp huyện tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

d) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND cấp huyện;

đ) UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

3. Đối với chương trình do cấp xã quản lý đầu tư:

a) UBND cấp xã tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi Phòng TC - KH;

b) Phòng TC - KH chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

c) UBND cấp xã hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định, trình HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Điều 17. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

2. Cơ quan được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi lập báo cáo, gửi HĐTD cấp tỉnh;

3. HĐTD cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

4. Cơ quan được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND tỉnh;

5. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Điều 18. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý

1. Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

2. Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan Thường trực HĐTĐ cấp tỉnh);

3. HĐTĐ cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm B, nhóm C (có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên);

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng);

5. Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND tỉnh;

6. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện;

7. UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C theo quy định.

Điều 19. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án lớn, đặc biệt quan trọng (dự án nhóm B) có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội thuộc cấp dưới quản lý và đầu tư được ngân sách cấp trên hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu

1. Dự án thuộc cấp huyện quản lý đầu tư được ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét sự cần thiết đầu tư, mục tiêu đầu tư dự án báo cáo UBND tỉnh;

b) UBND tỉnh xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến;

c) Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Chủ tịch UBND tỉnh giao UBND cấp huyện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

d) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan Thường trực HĐTĐ cấp tỉnh);

đ) HĐTD cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

e) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND tỉnh;

g) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

2. Dự án thuộc cấp xã quản lý đầu tư được ngân sách cấp huyện hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu

a) Phòng TC-KH chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét sự cần thiết đầu tư, mục tiêu đầu tư dự án báo cáo UBND cấp huyện;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện giao UBND cấp xã lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

c) Cơ quan được giao lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án, gửi báo cáo về HĐTD cấp huyện;

d) HĐTD cấp huyện tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

đ) Cơ quan được giao lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND cấp huyện;

e) UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Điều 20. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C do cấp huyện quản lý

1. Chủ tịch UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp xã lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

2. Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, gửi báo cáo về HĐTD cấp huyện;

3. HĐTD cấp huyện tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

4. Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoàn thiện báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo UBND cấp huyện;

5. UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Điều 21. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C do cấp xã quản lý

1. UBND cấp xã tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, gửi Phòng TC - KH cấp huyện.

2. Phòng TC - KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3. UBND cấp xã hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo ý kiến thẩm định, trình HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Điều 22. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án của ngành dọc (các đơn vị thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh) sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương

1. Dự án sử dụng một phần nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh:

a) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (thuộc ngành dọc) gửi UBND tỉnh Tờ trình đề nghị hỗ trợ đầu tư, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ ngành dọc đầu tư dự án;

c) Trên cơ sở báo cáo thẩm định, UBND tỉnh xem xét và báo cáo HĐND tỉnh phê duyệt chấp thuận về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án đầu tư của ngành dọc;

d) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật đầu tư công.

2. Dự án sử dụng một phần nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện:

a) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (thuộc ngành dọc) gửi UBND cấp huyện Tờ trình đề nghị hỗ trợ đầu tư, đồng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổ chức thẩm định;

b) Phòng TC- KH chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách huyện hỗ trợ ngành dọc đầu tư dự án;

c) Trên cơ sở báo cáo thẩm định, UBND cấp huyện xem xét và báo cáo HĐND cấp huyện phê duyệt chấp thuận về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách huyện hỗ trợ cho dự án đầu tư của ngành dọc;

d) Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư công.

3. Trường hợp dự án đầu tư sử dụng 100% ngân sách địa phương hỗ trợ, trình tự lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18 và 20 Quy định này. Trong quá trình thẩm định, cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án có trách nhiệm xin ý kiến thẩm định của ngành dọc về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

Trường hợp ngành dọc có quy định khác về trình tự lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án thì áp dụng theo quy định của ngành dọc đó.

Điều 23. Thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án

1. Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C kể từ ngày HĐTĐ hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Chương trình: Không quá 30 ngày;
- b) Dự án nhóm A: Không quá 30 ngày;
- c) Dự án nhóm B, C: Không quá 20 ngày;

Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Chương trình: Không quá 10 ngày;
- b) Dự án nhóm A: Không quá 10 ngày;
- c) Dự án nhóm B: Không quá 08 ngày;
- d) Dự án nhóm C: Không quá 05 ngày.

Trường hợp chương trình, dự án do Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

Điều 24. Điều chỉnh chủ trương đầu tư

1. Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;

Trường hợp chương trình, dự án đang trong quá trình thực hiện mà thay đổi về quy mô, thời gian, vượt tổng vốn đầu tư, thay đổi cơ cấu nguồn vốn của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Mục 3

THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 25. Thẩm định, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư.

Điều 26. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do HĐND quyết định chủ trương đầu tư

1. Đối với chương trình đầu tư công do HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được HĐND tỉnh quyết định, chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan quy định tại điểm b khoản này, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với chương trình đầu tư công do HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được HĐND cấp huyện quyết định, chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật gửi Phòng TC-KH cấp huyện;

b) Phòng TC-KH cấp huyện tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan quy định tại điểm b khoản này, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Đối với chương trình đầu tư công do HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được HĐND cấp xã quyết định, chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật gửi Phòng TC-KH cấp huyện;

b) Phòng TC-KH cấp huyện tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan quy định tại điểm b khoản này, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định.

Điều 27. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công

Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Đối với các dự án do HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

c) Căn cứ ý kiến của cơ quan thẩm định tại điểm b khoản này, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đầu tư dự án. Trường hợp dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng trình Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định đầu tư dự án.

2. Đối với dự án do HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án gửi Phòng TC-KH cấp huyện;

b) Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

c) Căn cứ ý kiến của cơ quan thẩm định tại điểm b khoản này, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định đầu tư dự án.

3. Đối với dự án do HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án gửi Phòng TC-KH cấp huyện;

b) Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

c) Căn cứ ý kiến của cơ quan thẩm định tại điểm b khoản này, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định đầu tư dự án.

4. Trường hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư là chủ đầu tư dự án, Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định dự án.

5. Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết (đối với dự án thiết kế một bước) của Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 và điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ;

Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư dự án, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết (đối với dự án thiết kế một bước).

6. Dự án quy định tại Điều này bao gồm cả dự án thiết kế một bước chỉ yêu cầu lập thiết kế chi tiết.

Điều 29. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ trương trình, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan quy định tại điểm b khoản này, chủ chương trình, chủ dự án hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự

án và dự thảo quyết định đầu tư chương trình, dự án trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ trương trình, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án gửi Phòng TC-KH cấp huyện;

b) Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan quy định tại điểm b khoản này, chủ chương trình, chủ dự án hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án và dự thảo quyết định đầu tư chương trình, dự án trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Đối với chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ trương trình, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án gửi Phòng TC-KH cấp huyện;

b) Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan quy định tại điểm b khoản này, chủ chương trình, chủ dự án hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án và dự thảo quyết định đầu tư chương trình, dự án trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định.

4. Đối với chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư:

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Dự án quy định tại Điều này bao gồm cả dự án thiết kế một bước chỉ yêu cầu lập thiết kế chi tiết.

Điều 30. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án khẩn cấp

1. Đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

a) Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định dự án. Trong quá trình thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

c) Cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

2. Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án;

b) Phòng TC-KH cấp huyện tổ chức thẩm định dự án;

c) Cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo HĐND cấp huyện việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

3. Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư:

a) UBND cấp xã tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án;

b) Phòng TC-KH cấp huyện tổ chức thẩm định dự án;

c) UBND cấp xã hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định.

Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo HĐND cấp xã việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 31. Điều chỉnh chương trình, dự án

1. Chương trình được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Đầu tư công.

2. Dự án được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công.

3. Cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh chương trình, dự án sau khi chương trình, dự án đã được thực hiện thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định của Luật Đầu tư công.

5. Chương trình, dự án quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy định này phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi thực hiện điều chỉnh chương trình, dự án.

6. Trình tự lập, thẩm định, quyết định và hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

Điều 32. Thời gian thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Thời gian thẩm định: Chương trình, dự án và điều chỉnh chương trình, dự án, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Chương trình: Không quá 30 ngày;
- b) Dự án nhóm A: Không quá 30 ngày;
- c) Dự án nhóm B: Không quá 20 ngày;
- d) Dự án nhóm C: Không quá 15 ngày.

Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định chương trình, dự án, cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng quy định tại khoản này.

2. Thời gian quyết định: Đầu tư chương trình, dự án và điều chỉnh đầu tư chương trình, dự án, kể từ ngày cấp có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Chương trình: Không quá 15 ngày;
- b) Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;
- c) Dự án nhóm B: Không quá 07 ngày;
- d) Dự án nhóm C: Không quá 05 ngày.

Mục 4 THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 33. Hình thức quản lý dự án

Người quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án, cụ thể:

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Người quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án theo quy định tại các khoản 3, 4, 6 Điều 25 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 34. Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán dự án

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công: Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

3. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (dự án thiết kế hai bước): Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

4. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư (dự án thiết kế hai bước): Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

5. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư (dự án thiết kế hai bước): Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

6. Đối với dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

7. Trong quá trình thẩm định, cơ quan được quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế, dự toán đầu tư của dự án để phục vụ công tác thẩm định của mình.

Chương IV

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

Điều 35. Trách nhiệm thẩm định trong lựa chọn nhà thầu

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án, đề án, đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền quyết định và ủy quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư.

2. Phòng TC - KH cấp huyện:

a) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án, đề án, đồ án quy hoạch; thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc quyết định mua sắm của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã;

b) Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do UBND cấp huyện là chủ đầu tư.

Điều 36. Trách nhiệm phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu

1. Chủ tịch UBND các cấp:

a) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án, đề án, đồ án quy hoạch, do mình quyết định đầu tư (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án quy định tại khoản 3 Điều này);

b) Phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với dự án do mình là chủ đầu tư;

c) Quyết định trường hợp điều chỉnh những nội dung đã được phê duyệt tại điểm a khoản này;

d) Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật Đấu thầu.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án, đề án, dự toán được UBND tỉnh ủy quyền cho cơ quan cấp dưới quyết định;

b) Quyết định trường hợp điều chỉnh những nội dung đã được phê duyệt tại điểm a khoản này.

3. Chủ đầu tư dự án:

a) Tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án;

b) Tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách xếp hạng nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại Điều 74 của Luật Đấu thầu.

Điều 37. Giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

1. Chủ tịch UBND các cấp và thủ trưởng các sở, ban, ngành:

a) Quyết định và chỉ đạo việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, do mình quyết định đầu tư;

b) Chỉ đạo việc thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu khi có thắc mắc, kiến nghị, đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật.

2. Cơ quan thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì tổ chức việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các dự án, thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã.

3. Nội dung và phương thức thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu thực hiện theo các khoản 4, 5 Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

4. Các gói thầu phải tiến hành theo dõi, giám sát hoạt động đấu thầu:

a) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, hạn mức các gói thầu tổ chức theo dõi, giám sát như sau:

- Các gói thầu xây lắp, các gói thầu hỗn hợp có giá gói thầu được duyệt từ 20,0 tỷ đồng trở lên (trừ trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng);

- Các gói thầu tư vấn, phi tư vấn và mua sắm hàng hóa có giá gói thầu được duyệt từ 10,0 tỷ đồng trở lên (trừ trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng);

b) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, hạn mức các gói thầu tổ chức theo dõi, giám sát như sau:

- Các gói thầu xây lắp, các gói thầu hỗn hợp có giá gói thầu được duyệt từ 20,0 tỷ đồng trở lên (trừ trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng);

- Các gói thầu tư vấn, phi tư vấn và mua sắm hàng hóa có giá gói thầu được duyệt từ 10,0 tỷ đồng trở lên (trừ trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng).

Điều 38. Trách nhiệm về báo cáo công tác đấu thầu

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý đấu thầu trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 21 tháng 12 năm báo cáo (đối với báo cáo năm) và theo thời hạn yêu cầu (đối với báo cáo đột xuất).

2. UBND cấp huyện: Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý đấu thầu trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 năm báo cáo (đối với báo cáo năm) và theo thời hạn yêu cầu (đối với báo cáo đột xuất).

3. Chủ đầu tư: Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý đấu thầu đối với các dự án do mình làm chủ đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 năm báo cáo (đối với báo cáo năm) và theo thời hạn yêu cầu (đối với báo cáo đột xuất).

4. Báo cáo hằng năm tính từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

Chương V

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 39. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Là cơ quan đầu mối thực hiện công tác GS&ĐGĐT của tỉnh, có nhiệm vụ sau:

a) Tổng hợp tình hình đầu tư, các thông tin liên quan phục vụ cho công tác GS&ĐGĐT các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch GS&ĐGĐT các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hằng năm trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt để tổ chức thực hiện;

c) Trực tiếp tổ chức theo dõi, kiểm tra công tác quản lý đầu tư đối với các chương trình, dự án do cấp tỉnh;

d) Tổ chức kiểm tra các chương trình, dự án khi điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư hoặc làm thay đổi quy hoạch, mục tiêu, quy mô, công năng, giải pháp thiết kế chính;

đ) Tổ chức đánh giá chương trình, dự án khi cần thiết và theo kế hoạch được giao;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư; Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư của UBND cấp huyện; Định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh;

g) Phối hợp với Thường trực UBMTTQ tỉnh, Sở Tài chính kiểm tra hoạt động giám sát của cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở quản lý chuyên ngành: Trực tiếp theo dõi, kiểm tra công tác quản lý đầu tư của các chủ đầu tư đối với lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công:

a) Công tác thực hiện và quản lý quy hoạch;

b) Thực hiện tuân thủ theo thiết kế cơ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với các dự án thiết kế 2 bước);

c) Công tác quản lý kỹ thuật thi công và an toàn thi công của nhà thầu;

d) Công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự toán ban đầu và bổ sung;

đ) Kiểm tra, phát hiện các sai phạm về kỹ thuật trong quá trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế ban đầu và bổ sung để khắc phục, đảm bảo an toàn công trình và hạn chế lãng phí, thất thoát;

e) Phối hợp thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư dự án thuộc chuyên ngành trên địa bàn, đồng thời tổng hợp Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định đối với những dự án do Sở là chủ đầu tư và quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Tài chính: Trực tiếp tổ chức theo dõi, kiểm tra công tác quản lý đầu tư của các chủ chương trình, chủ đầu tư ở các nội dung sau:

- a) Công tác lập hồ sơ thanh quyết toán công trình;
- b) Kết quả kiểm toán công trình;
- c) Công tác tạm ứng, thanh toán giá trị thực hiện và hoàn thành theo quy định hiện hành;
- d) Phối hợp với UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư, giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Trực tiếp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước trong quá trình thực hiện đầu tư: Quản lý sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, các biện pháp yêu cầu bảo vệ môi trường theo dự án được duyệt.

5. Các sở, ban, ngành khác: Có nhiệm vụ thực hiện tốt công tác GS&ĐGĐT đối với các chương trình, dự án do sở, ngành làm chủ đầu tư.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh: Tổng hợp GS&ĐGĐT đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp do tỉnh quản lý.

7. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

a) Chia sẻ, tích hợp dữ liệu và báo cáo tình hình giải ngân của từng dự án đầu tư để làm cơ sở báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công của các cơ quan trên hệ thống.

b) Việc chia sẻ, tích hợp và báo cáo trên hệ thống sẽ thay cho báo cáo bằng văn bản giấy.

Điều 40. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư các chương trình, dự án do UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư

1. UBND cấp huyện:

a) Triển khai và thực hiện công tác GS&ĐGĐT các chương trình, dự án do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

b) Báo cáo định kỳ kết quả giám sát và đánh giá đầu tư trên địa bàn về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh & Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định, đồng thời báo cáo Huyện ủy và HĐND cùng cấp.

c) Giao Phòng TC-KH cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện tổ chức GS&ĐGĐT cụ thể như sau:

- Tổ chức hệ thống cung cấp thông tin và lưu trữ thông tin về tình hình đầu tư trên địa bàn; thu thập các báo cáo, thông tin liên quan phục vụ cho công tác GS&ĐGĐT trên địa bàn;

- Xây dựng kế hoạch GS&ĐGĐT các dự án do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hàng năm trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt để tổ chức thực hiện;

- Trực tiếp tổ chức theo dõi, kiểm tra công tác quản lý đầu tư đối với các chương trình, dự án trên địa bàn;
- Tổ chức kiểm tra các chương trình, dự án khi điều chỉnh làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư và trường hợp cần thiết khác;
- Tổ chức đánh giá chương trình, dự án khi cần thiết và theo kế hoạch được giao.

2. UBND cấp xã:

- a) Triển khai và thực hiện công tác GS&ĐGĐT các chương trình, dự án do mình quyết định đầu tư;
- b) Báo cáo định kỳ kết quả giám sát và đánh giá đầu tư trên địa bàn về Phòng TC-KH cấp huyện để tổng hợp báo cáo UBND huyện theo quy định, đồng thời báo cáo HĐND cùng cấp; thời hạn gửi báo cáo hằng năm: Trước ngày 01 tháng 02 năm sau.

Điều 41. Quy định về thời hạn báo cáo

1. Thời hạn gửi báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, chủ chương trình, chủ đầu tư, có trách nhiệm tổng hợp và gửi báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư định kỳ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

2. Thời hạn gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng: UBNDTTQ tỉnh gửi báo cáo hằng năm về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 02 năm sau.

Điều 42. Tổ chức triển khai công tác giám sát và đánh giá tổng thể đầu tư trên địa bàn tỉnh

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thực hiện công tác GS&ĐGTTĐT trên địa bàn tỉnh, có các nhiệm vụ sau:

1. Trên cơ sở báo cáo tổng hợp của các cơ quan quản lý nhà nước, UBND cấp huyện, các chủ đầu tư và các tài liệu về công tác quản lý đầu tư trên địa bàn tỉnh, để tổ chức hệ thống lưu trữ thông tin, cung cấp thông tin về tình hình đầu tư trong phạm vi toàn tỉnh, phục vụ cho công tác GS&ĐGTTĐT trên địa bàn tỉnh;
2. Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức theo dõi, kiểm tra và đánh giá tổng thể đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án được phân bổ vốn thực hiện từ kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách cấp tỉnh tiếp tục thực hiện theo các quyết định đã phê duyệt.

Đối với các dự án do ngân sách cấp huyện, cấp xã đảm bảo đầu tư (theo Phụ lục phân cấp quản lý và đầu tư kèm theo quy định này) nhưng đã được phân bổ vốn thực hiện dự án từ nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 sẽ được xử lý chuyển tiếp như sau: Căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn, Liên Sở KHĐT-TC báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định mức vốn tối đa ngân sách tỉnh hỗ trợ cho từng dự án trong giai đoạn 2021-2025; đối với phần vốn còn lại, UBND cấp huyện, cấp xã chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn cho dự án.

2. Chương trình, dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư, sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đầu tư công, nếu chuyển sang sử dụng vốn đầu tư công phải thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 44. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức phổ biến, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp quản lý chương trình, dự án đầu tư công; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp về thanh, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo thực hiện đồng bộ, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, dự án.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan và các chủ đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

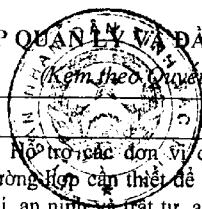
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng

PHỤ LỤC

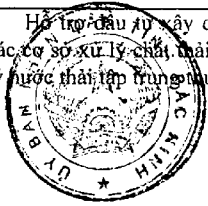
PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ MỘT SỐ LĨNH VỰC HẠ TẦNG, KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH




Kèm theo Quyết định số 11 /2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Quốc phòng	Hỗ trợ các đơn vị quốc phòng đóng trên địa bàn trong trường hợp cần thiết để đảm bảo ổn định tình hình kinh tế xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương khi cần đối được nguồn lực theo quy định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.		
2	An ninh, trật tự, an toàn xã hội	Hỗ trợ các đơn vị quốc phòng đóng trên địa bàn trong trường hợp cần thiết để đảm bảo ổn định tình hình kinh tế xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương khi cần đối được nguồn lực theo quy định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.		
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, trường đào tạo cán bộ tỉnh; các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên (trọng điểm) thuộc tỉnh quản lý. Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất, trường, lớp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (nếu bố trí được nguồn lực).
4	Khoa học, công nghệ	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao thuộc	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu ứng dụng công nghệ do cấp huyện quản lý.	

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
5	Y tế, dân số và gia đình	<p>Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế trên địa bàn tỉnh (bệnh viện, trung tâm tuyến tỉnh, tuyến huyện).</p>	Đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng trạm y tế cấp xã.	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng trạm y tế cấp xã.
6	Văn hóa, thông tin	<p>Công trình di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh, di tích cách mạng, bảo vật quốc gia, các di sản văn hóa phi vật thể.</p> <p>Phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn do tỉnh quản lý.</p> <p>Hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa cấp tỉnh.</p> <p>Công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình lưu niệm sự kiện, lưu niệm danh nhân do cấp tỉnh quản lý.</p>	<p>Công trình di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh thuộc địa bàn.</p> <p>Phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn do huyện quản lý.</p> <p>Hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa cấp huyện.</p>	<p>Hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa cấp xã.</p> <p>Công trình di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh thuộc địa bàn (nếu bố trí được nguồn lực).</p>
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	<p>Dự án phát thanh truyền hình của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.</p> <p>Đầu tư hệ thống trang thiết bị truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.</p>	Dự án phát thanh truyền hình, trang thiết bị truyền thanh, truyền hình do cấp huyện quản lý đảm bảo phù hợp với cấp tỉnh (riêng phần mềm cấp tỉnh đầu tư).	Đầu tư (nếu bố trí được nguồn lực), duy trì và vận hành hệ thống trang thiết bị truyền thanh cơ sở đảm bảo đồng bộ với hệ thống của tỉnh (riêng phần mềm cấp tỉnh đầu tư).
8	Thể dục thể thao	Công trình thể dục thể thao do cấp tỉnh quản lý.	Công trình thể dục thể thao do cấp huyện quản lý.	Công trình thể dục thể thao do cấp xã quản lý.
9	Bảo vệ môi trường	Đầu tư (xây dựng mới, mua mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng) và quản lý sau đầu tư (quản lý, vận hành và duy trì) các cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; trang thiết bị do đặc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên do tỉnh quản lý.	Đầu tư (xây dựng mới, mua mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng) và quản lý sau đầu tư (quản lý, vận hành và duy trì) các cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; trang	Đầu tư xây dựng các dự án thuộc đồ án quy hoạch nông thôn, các điểm tập kết và trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn quản lý, ứng phó sự cố và khắc phục ô nhiễm môi trường (trừ các dự án do cấp tỉnh, cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
		<p>Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh; đầu tư khu xử lý nước thải tập trung thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên.</p> 	<p>thiết bị đo đạc bản đồ, kỹ thuật thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên có phạm vi nội huyện do cấp huyện quản lý.</p> <p>Đầu tư xây dựng các dự án xử lý rác thải, xử lý nước thải trên địa bàn, thuộc đồ án quy hoạch chung đô thị, đồ án quy hoạch vùng huyện có phạm vi nội huyện do cấp huyện quản lý, các điểm tập kết và trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn quản lý (trừ các dự án do cấp tỉnh đầu tư).</p>	đầu tư).
10	Các hoạt động kinh tế			
10.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	<p>Lĩnh vực thủy lợi: Công trình thủy lợi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho UBND tỉnh quản lý; các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh (trừ hệ thống thủy lợi nội đồng).</p> <p>Lĩnh vực đê điều: Các tuyến đê trên địa bàn tỉnh (bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê và công trình phụ trợ)</p> <p>Lĩnh vực lâm nghiệp: Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Lĩnh vực thủy lợi: Hệ thống thủy lợi nội đồng bao gồm: kênh tưới và tưới tiêu kết hợp từ sau cống đầu kênh đến khu vực tưới, tiêu có diện tích thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 50ha; kênh tiêu, hệ thống kênh tiêu từ khu vực tiêu đến trước đầu cống cuối kênh có diện tích tiêu thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 150ha.</p> <p>Lĩnh vực đê điều: Các tuyến đê dưới cấp III thuộc địa bàn huyện quản lý.</p>	
10.2	Công nghiệp	Công trình năng lượng do cấp tỉnh quản lý.	Công trình năng lượng do cấp huyện quản lý.	Công trình năng lượng do cấp xã quản lý.

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
10.3	Giao thông	Các tuyến đường được thuộc đồ án quy hoạch vùng tỉnh, đường tỉnh, đường quốc lộ (nếu Trung ương giao tỉnh đầu tư).	Các tuyến đường thuộc đồ án quy hoạch chung vùng huyện, quy hoạch phân khu đô thị; đường huyện, đường liên xã.	Các tuyến đường nội bộ trong xã theo quy hoạch nông thôn.
10.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế	Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, cấp thoát nước, điện, cây xanh ...) đến chân hàng rào: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao để đầu nối các khu vực trên với hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh.	Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, cấp thoát nước, điện, cây xanh ...) đến chân hàng rào Cụm công nghiệp để đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp đối với các Cụm công nghiệp do UBND cấp huyện, cấp xã làm chủ đầu tư.	
10.5	Thương mại	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo: Trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm logistic, kết cấu hạ tầng xuất - nhập khẩu, chợ đầu mối.		Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo chợ dân sinh.
10.6	Cấp nước, thoát nước	Dự án cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải thuộc đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, dự án phục vụ từ hai huyện trở lên (trừ dự án thuộc nhiệm vụ đầu tư của các đơn vị kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị).	Dự án cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải thuộc đồ án quy hoạch chung đô thị thuộc huyện quản lý và quy hoạch xây dựng vùng huyện (trừ các dự án do cấp tỉnh đầu tư, dự án thuộc nhiệm vụ đầu tư của các đơn vị kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị). Cải tạo, sửa chữa công trình hạ tầng ngoài hàng rào công trình cấp nước sạch nông thôn.	Hệ thống thoát nước trong khu dân cư cũ để đầu nối vào hệ thống thoát nước do cấp tỉnh, cấp huyện đầu tư.
10.7	Kho tàng	Xây dựng kho lưu trữ thuộc cấp tỉnh quản lý.	Xây dựng kho lưu trữ thuộc cấp huyện quản lý.	Xây dựng kho lưu trữ thuộc cấp xã quản lý.

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
10.8	Du lịch	<p>Đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các di tích lịch sử cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt, Di tích cách mạng, các điểm du lịch đã được công nhận.</p> 	<p>Đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn huyện quản lý; đầu tư dự án hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại khu, điểm, địa bàn du lịch do huyện quản lý.</p>	
10.9	Viễn thông, bưu chính, công nghệ thông tin	<p>Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quản lý; triển khai ứng dụng CNTT dùng chung cấp tỉnh; triển khai ứng dụng CNTT cấp huyện hoặc cấp xã nhưng có cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sử dụng.</p>	<p>Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý; ứng dụng CNTT dùng chung cấp huyện.</p>	<p>Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin do cấp xã quản lý.</p>
10.11	Quy hoạch	<p>Chương trình, dự án quy hoạch thuộc cấp tỉnh quản lý.</p>	<p>Chương trình, dự án quy hoạch thuộc cấp huyện quản lý.</p>	<p>Chương trình, dự án quy hoạch nông thôn.</p>
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị	<p>Hệ thống chiếu sáng các đường giao thông, cầu thuộc cấp tỉnh đầu tư.</p> <p>Dự án công viên, vườn hoa, cây xanh, nghĩa trang, nhà tang lễ thuộc đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, dự án thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên.</p> <p>Dự án bến xe liên tỉnh, điểm dừng trả khách theo tuyến (xe Bus).</p>	<p>Hệ thống chiếu sáng còn lại (trừ đường làng, ngõ xóm).</p> <p>Dự án công viên, vườn hoa, cây xanh thuộc đồ án quy hoạch chung đô thị thuộc huyện quản lý và quy hoạch xây dựng vùng huyện (trừ các dự án do cấp tỉnh đầu tư).</p> <p>Dự án nghĩa trang, nhà tang lễ thuộc đồ án quy hoạch chung đô thị thuộc huyện quản lý và quy hoạch xây dựng vùng huyện, đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ trên địa bàn (trừ các dự án do cấp tỉnh đầu tư); khuyến khích xã hội hóa đầu tư.</p> <p>Dự án bến xe, điểm dừng trả khách còn lại.</p> <p>Các điểm, bãi đỗ xe tĩnh có quy mô từ 100 chỗ trở lên.</p> <p>Công trình chỉnh trang đô thị.</p>	<p>Hệ thống chiếu sáng đường làng, ngõ xóm.</p> <p>Dự án công viên, vườn hoa, cây xanh theo quy hoạch nông thôn.</p> <p>Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang liệt sỹ xã.</p> <p>Các điểm đỗ xe có quy mô nhỏ hơn 100 chỗ.</p>

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
10. 13	Cấp vốn	<p>Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý cho các tổ chức cấp tỉnh quản lý.</p> <p>Hỗ trợ các đối tượng thuộc doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã theo quyết định của UBND tỉnh.</p>	Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý cho các tổ chức cấp huyện quản lý.	
11	Hoạt động CQNN, ĐVSNCL, TC CT&TCCT- XH	Đầu tư trụ sở, trang thiết bị làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý.	Đầu tư trụ sở, trang thiết bị làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp huyện quản lý.	Đầu tư trụ sở, trang thiết bị làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp xã quản lý.
12	Xã hội	<p>Xây dựng Trung tâm nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội, Trung tâm dịch vụ việc làm; Trung tâm dạy nghề - phục hồi chức năng cho người tàn tật; Cơ sở cai nghiện ma túy.</p> <p>Các công trình ghi công liệt sĩ thuộc cấp tỉnh quản lý.</p>	Các công trình ghi công liệt sĩ thuộc cấp huyện quản lý.	Các công trình ghi công liệt sĩ thuộc cấp xã quản lý.
13	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác	Hỗ trợ đầu tư cho các dự án lớn, đặc biệt quan trọng (dự án nhóm B) có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội thuộc cấp huyện quản lý đầu tư được ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu	Hỗ trợ đầu tư cho các dự án lớn, đặc biệt quan trọng (dự án nhóm B) có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội thuộc cấp xã quản lý đầu tư được ngân sách cấp huyện hỗ trợ bằng hình thức bổ sung có mục tiêu	